

**Biểu 11. TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LÂM NGHIỆP TỈNH.....**

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                                 | Các năm |      |      |      |      | Tổng số | B/q năm |
|------------------------------------------|---------|------|------|------|------|---------|---------|
|                                          | 2019    | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |         |         |
| <b>Tổng số:</b>                          |         |      |      |      |      |         |         |
| 1.Ngân sách nhà nước                     |         |      |      |      |      |         |         |
| 1.1..NSTW                                |         |      |      |      |      |         |         |
| - Vốn đầu tư phát triển                  |         |      |      |      |      |         |         |
| - Vốn sự nghiệp                          |         |      |      |      |      |         |         |
| 1.2.NSĐP                                 |         |      |      |      |      |         |         |
| - Vốn đầu tư phát triển                  |         |      |      |      |      |         |         |
| - Vốn sự nghiệp                          |         |      |      |      |      |         |         |
| 2. ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác    |         |      |      |      |      |         |         |
| ODA                                      |         |      |      |      |      |         |         |
| DVMTR                                    |         |      |      |      |      |         |         |
| Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI)     |         |      |      |      |      |         |         |
| Vốn khác (tổ chức, cá nhân tự đầu tư...) |         |      |      |      |      |         |         |